

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN V  
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 27-7-2022.

“V/v ly hôn giữa chị D và anh T”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Văn Quân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Quốc Mậu.
2. Bà Trần Thị Thanh Mai.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Hải Ninh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 54/2022/TLST - HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị Bích D, sinh năm 1983.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định.

*2. Bị đơn:* Anh Ngô Thanh T, sinh năm 1981.

Nơi ĐKKHKT và cư trú tại: Thôn K, xã Đ, Thành phố K, tỉnh Kon Tum.

(Chị D và anh T vắng mặt, nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Tại đơn khởi kiện ngày 13-5-2022, bản tự khai ngày 16-5-2022 và lời khai trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Vũ Thị Bích D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu chị và anh T đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 02-12-2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn chị và anh T sinh sống và cư trú ở thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum và vợ chồng chỉ chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do chị và anh T tính cách không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực của đời sống

xã hội, ngoài ra còn do anh T không chịu tu chí làm ăn suốt ngày chỉ mãi mê nhậu nhẹt, uống rượu say sưa từ đó đã dẫn đến trong cuộc sống thường ngày vợ chồng thường hay xảy ra xô xát, đánh, cãi chửi nhau nên vợ chồng chung sống với nhau không được tình cảm và không được hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng thì ngày càng căng thẳng và trầm trọng hơn. Ngày mùng 04 tết nguyên đán năm 2015, anh T có uống rượu rồi điều khiển xe máy đi chúc tết thì bị tai nạn giao thông và bị bại liệt, không tự đi lại được và cũng không làm ăn được gì nữa dẫn đến thần kinh bị ức chế nên anh T suốt ngày chửi bới vợ, con. Do không chịu đựng được cuộc sống chung với T nên tháng 11/2018 chị đã phải bỏ về quê của chị ở thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định để sinh sống và chị với anh T đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng cũng như quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau suốt từ tháng 11/2018 cho đến nay. Chị D xác định mâu thuẫn của vợ chồng chị đã kéo dài và trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng chị cũng không còn tồn tại từ nhiều năm nay, chị và anh T cũng không còn có tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì với nhau. Vì vậy mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Nên chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và T có 02 con chung là các cháu Ngô Thành L, sinh ngày 27-8-2006 và Ngô Vũ Quỳnh A, sinh ngày 01-8-2015. Hiện chị đã và đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, còn anh T đã và đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L suốt từ khi vợ chồng chị sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn chị đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, còn để anh T tiếp tục trực tiếp nuôi cháu L. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Chị và anh T không có khoản nào. Nên chị không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết.

\* Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 13-7-2022, chị Vũ Thị Bích D trình bày: Chị đã nhận Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án. Nhưng vì lý do công việc làm của chị rất bận nên chị không thể xin phép công ty cho nghỉ để đến Tòa án tham gia tố tụng tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án được. Vì vậy chị đề nghị Tòa án giải quyết và xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của chị.

\* Tại bản tự khai ngày 30-5-2022 và đơn đề nghị ngày 30-5-2022, bị đơn anh Ngô Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Qua sự tìm hiểu anh và chị D đã tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 02-12-2005 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi anh và chị D kết hôn với nhau thì vợ chồng làm ăn, sinh sống và cư trú ở thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum và vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do anh và chị D tính cách không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội từ đó đã dẫn đến vợ chồng thường hay xảy ra xô xát, đánh, cãi, chửi nhau nên vợ chồng chung sống với nhau không được tình cảm, không được hạnh phúc, mâu thuẫn thì ngày càng căng thẳng và trầm trọng hơn nên tháng 11/2011 anh đã phải làm đơn xin ly hôn với chị D nhưng anh chưa nộp đơn tại Tòa án. Đến tết nguyên đán năm 2015 anh có bị tai nạn giao thông và bị bại liệt, không

tự đi lại được, không làm ăn được gì nữa vì vậy đến tháng 11/2018 chị D đã tự ý đưa cả 02 con chung của vợ chồng về quê của chị D để sinh sống và anh với chị D đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm vợ chồng, cũng như mọi quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau suốt từ tháng 11/2018 cho đến nay. Nay chị D xin ly hôn anh, anh xác định mâu thuẫn giữa anh và chị D đã kéo dài và đã trầm trọng; mặt khác thì đời sống chung của vợ chồng anh cũng không còn tồn tại từ nhiều năm nay và nay anh với chị D cũng không còn có tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì với nhau. Nên mục đích của hôn nhân không còn đạt được. Vì vậy anh nhất trí ly hôn, anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh và chị D được ly hôn với nhau.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là các cháu Ngô Thành L, sinh ngày 27-8-2006 và Ngô Vũ Quỳnh A, sinh ngày 01-8-2015. Hiện nay anh đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, còn chị D đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Ly hôn anh đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho anh được trực tiếp nuôi dưỡng cháu L, còn để chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Anh và chị D không có khoản nào nên anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra anh T còn trình bày: Anh hoàn T đồng ý với việc chị D nộp đơn xin ly hôn anh tại Tòa án nhân dân huyện V, cũng như việc Tòa án nhân dân huyện V thụ lý, giải quyết vụ án chị D xin ly hôn với anh tại Tòa án nhân dân huyện V. Nhưng vì lý do sức khỏe anh không thể tự đi lại một mình được, cộng với điều kiện đường xá đi về Tòa án rất xa xôi. Nên anh không thể về Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án được. Vì vậy anh đề nghị Tòa án cho phép anh được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc cũng như tại phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án và anh đề nghị Tòa án cứ tiến hành giải quyết và xét xử sơ thẩm vụ án vắng mặt của anh.

\* Tại bản tự khai ngày 30-5-2022, cháu Ngô Thành L trình bày: Cháu là con đẻ của anh T và chị D. Hiện nay cháu đang trực tiếp sinh sống cùng với anh T ở thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Nếu như anh T và chị D phải ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng muốn được trực tiếp ở cùng với anh T.

\* Tại biên bản lấy lời khai ngày 17-5-2022, cháu Ngô Vũ Quỳnh A trình bày: Cháu là con đẻ của anh T và chị D. Hiện nay cháu đang trực tiếp sinh sống cùng với chị D ở thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Nếu như anh T và chị D phải ly hôn với nhau thì cháu có nguyện vọng muốn được trực tiếp sinh sống cùng với chị D.

\* Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 30-6-2022, đại diện UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp:

Về quan hệ hôn nhân: Chị D và anh T đã tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định vào ngày 02-12-2005 và đã được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau kết hôn chị D và anh T không sinh sống tại địa phương mà sinh sống ở thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum. Do chị D và anh T không sinh sống tại địa phương nên địa phương không nắm biết được về nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị D, anh T như thế nào. Địa phương chỉ thấy khoảng cuối năm 2018 chị

D đã đưa con chung của vợ chồng về nhà bố, mẹ đẻ của chị D ở thôn Đ, xã Đ để ở và chị D cùng với 01 con chung của vợ chồng đã sinh sống tại thôn Đ, xã Đ suốt từ cuối năm 2018 cho đến nay. Nay chị D và anh T xin ly hôn với nhau địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật cũng như nguyện vọng của các bên để giải quyết việc ly hôn của chị D và anh T.

Về con chung: Địa phương được biết chị D và anh T có 02 con chung là các cháu Ngô Thành L, sinh ngày 27-8-2006 và Ngô Vũ Quỳnh A, sinh ngày 01-8-2015. Hiện nay cháu L đang sinh sống cùng với anh T ở thôn K, xã Đ, thành phố K, tỉnh Kon Tum, còn cháu A đang sinh sống cùng với chị D ở thôn Đ, xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định. Nếu chị D và anh T ly hôn với nhau thì địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào quy định của pháp luật và điều kiện nuôi con thực tế của các bên đương sự, cũng như nguyện vọng của các con, nguyện vọng của các bên đương sự để giải quyết về con chung của vợ chồng chị D, anh T.

Về tài sản chung: Chị D và anh T đều xác định không có và không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết nên địa phương không có ý kiến gì.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

Về yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Vũ Thị Bích D.

Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Bích D và anh Ngô Thanh T.

Về nuôi con chung: Giao cháu Ngô Thành L, sinh ngày 27-8-2006 cho anh Ngô Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu L thành niên có khả năng lao động tự lập được. Giao cháu Ngô Vũ Quỳnh A, sinh ngày 01-8-2015 cho chị Vũ Thị Bích D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu A thành niên có khả năng lao động tự lập được. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Vũ Thị Bích D phải nộp theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về thẩm quyền: Anh Ngô Thanh T là bị đơn trong vụ án cư trú tại: Thôn K, xã Đ, Thành phố K, tỉnh Kon Tum nhưng anh T và chị D đã có đơn lựa chọn đề nghị Tòa án nhân dân huyện V giải quyết vụ án dân sự của chị D và anh T. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết sơ thẩm vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã thông báo và triệu tập anh Ngô Thanh T là bị đơn trong vụ án về Tòa án để tham gia tố tụng giải quyết vụ án nhưng anh T không về và anh có đơn đề nghị Tòa án tiến hành giải quyết và xét xử vụ án vắng mặt của anh. Vì vậy vụ án không tiến hành hòa giải được; tại phiên tòa cả chị Vũ Thị Bích D và anh Ngô Thanh T đều vắng mặt nhưng chị D và anh T đều đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt của mình. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vẫn tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án.

[3]. Về quan hệ pháp luật: Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “Ly hôn và tranh chấp về nuôi con” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4]. Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào những tình tiết, sự kiện có liên quan đến vụ án mà hai bên đương sự đã thừa nhận, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Xét chị Vũ Thị Bích D và anh Ngô Thanh T kết hôn với nhau vào ngày 02-12-2005, trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện V, tỉnh Nam Định và đã được UBND xã Đ cấp giấy chứng nhận kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Nên hôn nhân của chị D và anh T đã thỏa mãn điều kiện kết hôn theo quy định tại các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó hôn nhân của chị D và anh T là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[3.2]. Về tình trạng của hôn nhân: Xét sau khi chị D và anh T kết hôn với nhau thì vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc với nhau được khoảng hơn 01 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do chị D và anh T tính cách không hợp nhau và luôn bất đồng quan điểm từ đó đã dẫn đến trong cuộc sống thường ngày chị D và anh T thường hay xảy ra xô xát, đánh, cãi, chửi nhau nên chị D và anh T chung sống với nhau không được hòa thuận và không được hạnh phúc, mâu thuẫn của vợ chồng thì càng ngày càng căng thẳng và trầm trọng hơn. Do đó tháng 11-2018 chị D đã phải bỏ anh T để đi về quê của mình sinh sống và chị D với anh T đã sống ly thân, chấm quan hệ tình cảm, cũng như quyền và nghĩa vụ vợ chồng với nhau suốt từ thời điểm tháng 11-2018 cho đến nay. Như vậy quyền và nghĩa vụ về nhân thân trong quan hệ vợ chồng giữa chị D và anh T nay đã trái với những quy định tại các Điều 17, 19, 21 của Luật Hôn nhân và gia đình. Xét hôn nhân của vợ chồng chị D, anh T nay đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ giữa vợ chồng làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng và trên thực tế đời sống chung của vợ chồng chị D, anh T cũng không còn tồn tại từ nhiều năm nay, nay cả chị D và anh T đều xác định không còn có tình cảm, tình nghĩa vợ chồng gì với nhau và chị D xin ly hôn thì anh T cũng đồng ý ly hôn. Điều đó chứng tỏ mục đích của hôn nhân của chị D và anh T không còn đạt được. Nên việc chị D xin ly hôn anh T là hoàn T có căn cứ. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử ly hôn giữa chị D và anh T là phù hợp với quy

định của pháp luật và phù hợp với thực trạng hôn nhân hiện nay của vợ chồng chị D, anh T.

[3.3]. Về con chung: Xét chị D và anh T có 02 con chung là các cháu Ngô Thành L, sinh ngày 27-8-2006 và Ngô Vũ Quỳnh A, sinh ngày 01-8-2015. Hiện chị D đã trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh và anh T đã trực tiếp nuôi dưỡng cháu L suốt từ thời điểm vợ chồng chị D, anh T sống ly thân với nhau cho đến nay. Ly hôn cả chị D và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung của vợ chồng, chị D thì có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu A, còn anh T thì có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu L; ngoài ra thì cháu A cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng với chị D và cháu L cũng có nguyện vọng muốn được ở cùng với anh T. Do đó, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu A cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu L cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không buộc chị D, anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.4]. Về tài sản chung, công nợ chung và những vấn đề khác có liên quan: Xét chị D và anh T đều xác định không có và không đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Xét chị D là nguyên đơn nên buộc chị D phải nộp T bộ theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa chị Vũ Thị Bích D và anh Ngô Thanh T.

2. Về nuôi con chung:

- Giao cháu Ngô Vũ Quỳnh A, sinh ngày 01-8-2015 cho chị Vũ Thị Bích D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Giao cháu Ngô Thành L, sinh ngày 27-8-2006 cho anh Ngô Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Chị Vũ Thị Bích D và anh Ngô Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Chị Vũ Thị Bích D và anh Ngô Thanh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Buộc chị Vũ Thị Bích D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), chị Vũ Thị Bích D đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001453 ngày 16-5-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Vũ Thị Bích D và anh Ngô Thanh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- CCTHADS huyện V;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Văn Quân**